TAND TỈNH THÁI NGUYÊN
TAND HUYỆN P

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2022/HS-ST.

Ngày 21/4/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang T

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị L - Bà Vũ Thị Ngọc P.

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Xuân T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh A - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2022/HSST ngày 22 tháng 3 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021QĐXXST- HS ngày 11 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn S**, sinh ngày: 01/4/1991; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm L, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 3/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1955 và bà Đàm Thị H, sinh năm 1960; Bị cáo có vợ là Bùi Thị P, sinh năm 1991; Con: có 01 con sinh năm 2010; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con út; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Nguyễn Văn S bị bắt, tạm giam kể từ ngày 31/12/2021 đến ngày 28/01/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thuý H, Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

* Đại diện bị hại: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1959 (Có mặt);

Địa chỉ: TDP A, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Xóm G, xã H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Chị Bùi Thị P, sinh năm 1991; Địa chỉ: Xóm L, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

***Người làm chứng:** Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Xóm Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 29 tháng 10 năm 2021 Nguyễn Văn S, sinh năm 1991; Trú tại: Xóm L, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đi từ khu nhà ở công nhân đến xưởng sản xuất cống bê tông của Công ty TNHH bê tông xây dựng V, thuộc khu công nghiệp Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để tìm tài sản trộm cắp. Tại đây S quan sát thấy dưới gầm bàn sửa chữa có một khối kim loại là nắp hộp số của máy trộn bê tông, S dùng tay bê khối kim loại đi đến gần hàng rào vứt ra phía bãi đất trống bên ngoài công ty để cất giấu. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, S tiếp tục đi vào xưởng lén lút lấy đi 06 bộ súng hàn điện của máy hàn cốt thép tự động, đang được để gần máy hàn cốt thép trong xưởng, rồi cho vào bao tải màu trắng nhặt ở khu vực trong xưởng mang ra tường rào vứt ra ngoài cất giấu. Sau đó S tiếp tục quay lại xưởng lén lút lấy đi 03 bộ khóa Palet khuôn đúc cống bằng kim loại, 01 khối kim loại dạng hình chữ U và 01 T kim loại dài khoảng 1,5m đem vứt sang bãi đất trống để cất giấu. Khoảng 19 giờ cùng ngày, S điều khiển xe mô tô BKS 20H9 -7216 một mình đi đến bãi đất trống cạnh công ty để lấy khối kim loại là nắp hộp số của máy trộn bê tông, chở đến quán thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; trú tại: Xóm G, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên để bán với mục đích lấy tiền tiêu sài. Tại đây anh T đã mua nắp hộp số này với giá 300.000 đồng, chị Đỗ Thị Thảo P là vợ anh T đã trả tiền cho S, sau đó S đi về. Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/10/2021, S tiếp tục điều khiển xe mô tô đến bãi đất trống lấy 03 bộ súng hàn điện, 03 bộ khóa Palet và 01 khối kim loại hình chữ U cho vào bao tải đem đến bán phế liệu cho anh T được 200.000 đồng, đến khoảng 12 giờ S lại đến bãi đất trống lấy 03 bộ súng hàn điện đem đến bán cho anh T được 100.000 đồng, còn 01 T kim loại dài khảng 1,5m S vẫn để lại bãi đất trống gần công ty. Những lần đem tài sản đến bán cho anh T, S không nói cho anh T biết đây là tài sản do trộm cắp mà có được. Sau khi bán tài sản trộm cắp được tổng cộng 600.000 đồng, S tiêu sài cá nhân hết 300.000 đồng. Cùng ngày 30/10/2021 sau khi phát hiện bị mất tài sản, công ty TNHH Bê tông xây dựng V đã tiến hành kiểm tra Camera an ninh, xác định Nguyễn Văn S là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và trình báo Công an giải quyết theo quy định.

Ngày 03/12/2021, cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra quyết định trưng cầu định giá đối với số tài sản mà Nguyễn Văn S đã chiếm đoạt của công ty nêu trên. Ngày 20/12/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P đã tiến hành định giá, và kết luận tổng giá trị tài sản là 26.904.540 đồng.

Các đồ vật, tài liệu thu giữ trong vụ án gồm:

- 03 bộ khóa Palet của khuôn đúc cống bằng kim loại, 06 bộ súng hàn điện của máy hàn cốt thép tự động điều khiển CNC; 01 khối kim loại là vỏ trên nắp hộp số của cối trộn bê tông, 01 T kim loại chữ U màu đỏ là bộ phận của bộ khóa Palet khuôn đúc cống bằng kim loại, 01 T kim loại dài khoảng 1.5m. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại chủ sở hữu hợp pháp là Công ty TNHH Bê tông xây dựng V để phục vụ sản xuất.

- 01 bao tải dứa màu trắng cũ đã bị rách không rõ hình, bám dính nhiều vật chất màu đen do chị Phương và anh T chủ quán thu mua phế liệu giao nộp; 01 xe mô tô nhãn hiệu Oriental BKS 20H9-7216 xe cũ đã qua sử dụng, 01 quần cộc màu xám thêu chữ Dior là quần S mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng bảo quản theo quy định chờ xử lý.

- Số tiền 300.000 đồng là tiền S bán các tài sản trộm cắp mà có được sau đó giao nộp cho CQĐT, hiện đang được bảo quản tại tài khoản tạm gửi của Công an huyện P tại kho bạc Nhà nước huyện P.

Đối với Nguyễn Văn T và Đỗ Thị Thảo P khi thực hiện giao dịch mua bán các tài sản do S trộm cắp mà có được, bản thân những người này không biết nguồn gốc tài sản do Nguyễn Văn S trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 20H9-7216, Nguyễn Văn S dùng làm P tiện di chuyển tài sản trộm cắp đem đi tiêu thụ thuộc sở hữu hợp pháp của chị Bùi Thị P, sinh năm 1991; trú tại: Xóm L, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, là vợ của S giao cho S để làm phương tiện đi làm, chị P không biết việc S sử dụng chở tài sản trộm cắp được đi bán nên không xem xét xử lý đối với chị P.

Về phần trách nhiệm dân sự: Anh T và chị Phương không yêu cầu S bồi thường số tiền mua tài sản của S; Quá trình điều tra đại diện công ty TNHH bê tông xây dựng V yêu cầu bồi thường số tiền 27.000.000 đồng. Ngày 20/4/2022 S đã tự nguyện nộp 10.000.000đ tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện P để bồi thường cho công ty V.

Tại phiên tòa, đại diện cho bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường một khoản tiền là 10.000.000đ và đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSSC ngày 18/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt Nguyễn Văn S mức án từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của đại diện Công ty TNHH bê tông xây dựng V với bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn S có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho công ty V số tiền 10.000.000đ.

- Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hảo P không yêu cầu S bồi thường số tiền mua tài sản của S nên HĐXX không xem xét.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ và áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ mã số PS2 2017116, ngoài túi có ghi bao tải dứa màu trắng đã bị rách không rõ hình, bám dính nhiều vật chất màu đen; 01 túi niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ 2017119 bên ngoài có ghi 01 quần cộc màu xám, có thêu chữ "Dior".

- Hoàn trả cho chị Bùi Thị P: 01 xe mô tô nhãn hiệu ORIENTAL màu đỏ BKS 20H9 – 7216, xe có 01 gương chiếu hậu bên trái; số khung 013PD – 040324; số máy MH* 00040324, dung tích 110, đăng ký lần đầu ngày 11/4/2005. Khi giao xe không kiểm tra các bộ phận bê trong xe và săm lốp bên ngoài, xe cũ đã qua xử dụng, xe không kèm chìa khóa.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng là tiền S bán các tài sản trộm cắp mà có được sau đó giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện P.

- Truy thu số tiền 300.000đ mà bị cáo do bán tài sản trộm cắp mà có, hiện đã tiêu xài hết, xác định là số tiền thu lời do trộm cắp mà có vào ngân sách nhà nước.

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo vì bị cáo thuộc đối tượng hộ cận nghèo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo xác định: Bị cáo có trình độ văn hóa thấp, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thật thà khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại. Nên đề nghị HĐXX cho bị cáo được mức án từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 24 đến 30 tháng. Đề nghị miễn tiền án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo vì bị cáo thuộc đối tượng hộ cận nghèo.

Bị cáo Nguyễn Văn S không tranh luận đối đáp với đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình đúng như kết luận điều tra và cáo trạng tuy tố, bị cáo đã nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất là cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại xưởng sản xuất cống bê tông của Công ty TNHH Bê tông xây dựng V thuộc khu công nghiệp Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Văn S đã có hành vi trộm cắp tài sản là một khối kim loại là nắp hộp số của máy trộn bê tông. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày S tiếp tục trộm cắp tài sản là 06 bộ súng hàn điện của máy hàn cốt thép tự động, 03 bộ khóa Palet khuôn đúc cống bằng kim loại, 01 khối kim loại dạng hình chữ U và 01 T kim loại dài khoảng 1,5m. Tổng giá trị tài sản do S trộm cắp được là 26.904.540 đồng .

Hành vi nêu trên của bị cáo đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành của tội "Trộm cắp tài sản" Viện kiểm sát truy tố là đúng người đúng tội. Tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, nội dung điều luật như sau:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm minh bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo, giáo dục và đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4]. Xét các yếu tố về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy rằng: Bị cáo được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 3/12 thì ở nhà lao động tự do, bị cáo có đủ khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự;

[5]. Căn cứ tính chất vụ án, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện sửa chữa, bồi thường khắc phục hậu quả; ăn năn hối cải. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao, cho bị cáo được hưởng mức án cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

Trong vụ án này có Nguyễn Văn T và Đỗ Thị Thảo P khi thực hiện giao dịch mua bán các tài sản do S trộm cắp mà có được, bản thân những người này không biết nguồn gốc tài sản do Nguyễn Văn S trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý.

[6] Về vật chứng:

- Đối với 03 bộ khóa Palet của khuôn đúc cống bằng kim loại, 06 bộ súng hàn điện của máy hàn cốt thép tự động điều khiển CNC; 01 khối kim loại là vỏ trên nắp hộp số của cối trộn bê tông, 01 T kim loại chữ U màu đỏ là bộ phận của bộ khóa palet khuôn đúc cống bằng kim loại, 01 T kim loại dài khoảng 1.5m, cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại chủ sở hữu hợp pháp là Công ty TNHH Bê tông xây dựng V để phục vụ sản xuất là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 300.000 đồng là tiền S bán các tài sản trộm cắp mà có được sau đó giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra, xác định đây là số tiền thu lời bất chính do trộm cắp mà có nên cần tịch thu sung vào quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 300.000đ mà bị cáo do bán tài sản trộm cắp mà có, hiện đã tiêu xài hết, xác định là số tiền thu lời do trộm cắp mà có, cần phải truy thu số tiền trên đối với bị cáo để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS 20H9-7216, Nguyễn Văn S dùng làm phương tiện di chuyển tài sản trộm cắp đem đi tiêu thụ, thuộc sở hữu hợp pháp của chị Bùi Thị P, sinh năm 1991; trú tại: Xóm L, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giao cho S để làm phương tiện đi làm. Chị P không biết việc S sử dụng chiếc xe trên chở tài sản trộm cắp được đi bán nên cần trả lại cho chị P.

- Đối với 01 bao tải dứa màu trắng cũ đã bị rách không rõ hình, bám dính nhiều vật chất màu đen do chị Phương và anh T chủ quán thu mua phế liệu giao nộp, không còn giá trị sử dụng nên cần được tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 quần cộc màu xám thêu chữ Dior là quần S mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tại phiên tòa, bị cáo S không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của đại diện Công ty TNHH bê tông xây dựng V với bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn S có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho công ty V số tiền 10.000.000đ (Được chuyển từ số tiền do bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, theo biên lai số 0001293 ngày 20/4/2022). Bị cáo đã thi hành xong.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan anh T và chị Phương không yêu cầu S bồi thường số tiền mua tài sản của S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hiện tại bị cáo thuộc hộ cận nghèo, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[9] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo vì bị cáo thuộc hộ cận nghèo.

[10]. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 của Bộ Luật hình sự; 46, 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 15 (Mười năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30(Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, 93 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (bị cáo Nguyễn Văn S) nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Văn S, buộc bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 21/4/2022 cho đến khi bị cáo đi chấp hành án. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi.

5. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của đại diện Công ty TNHH bê tông xây dựng V với bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn S có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho công ty V số tiền 10.000.000đ (Được chuyển từ số tiền do bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, theo biên lai số 0001293 ngày 20/4/2022). Bị cáo đã thi hành xong.

6. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi niêm phong còn nguyên vẹn, dán kín có dấu đỏ mã số: PS2 2017116, ngoài túi có ghi bao tải dứa mầu trắng đã bị rách không rõ hình, bám dính nhiều vật chất màu đen; 01 túi niêm phong còn nguyên vẹn, được dán kín có dấu đỏ mã số: 2017119 bên ngoài có ghi 01 một quần cộc màu xám có thêu chữ Dior.

- Hoàn trả 01chiếc xe mô tô nhãn hiệu ORIENTAL, màu đỏ BKS 20H9 -7216, xe có 01 gương chiếu hậu bên trái, số khung: 013PD – 040324; số máy FMH* 00040324, dung tích xi lanh 110, đăng ký lần đầu ngày 11/4/2005, khi giao nhận xe không kiểm tra các bộ phận bên trong và săm lốp bên ngoài, xe cũ đã qua sử dụng, xe không kèm theo chìa khóa cho chị Bùi Thị P quản lý sử dụng.

- Tịch thu sung qũy nhà nước đối với số tiền 300.000 đồng là tiền S bán các tài sản trộm cắp mà có được sau đó giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08 tháng 4 năm 2022 và giấy ủy nhiệm chi số 61 ngày 04/4/2022 giữa Chi Cục Thi hành án dân sự huyện P và Công an huyện P).

- Truy thu số tiền 300.000đ mà bị cáo do bán tài sản trộm cắp mà có, hiện đã tiêu xài hết vào ngân sách nhà nước.

6. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Văn S.

7. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo vì bị cáo thuộc hộ cận nghèo.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan(chị Bùi Thị P) biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt; trong hạn 15 ngày kể từ ngày anh Nguyễn Văn T nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng đối với anh T.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- THA Hình sự, dân sự;
- Bị cáo, Bị hại, Người liên quan;
- UBND xã M, huyện Đ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quang T